

VN-Index **1699.13 (-0.86%)**
 949 Tr. cổ phiếu 24672.8 Tỷ VND (-6.50%)

HNX-Index **245.73 (-0.83%)**
 84 Tr. cổ phiếu 1553.4 Tỷ VND (-15.03%)

UPCOM-Index **123.95 (-0.73%)**
 33 Tr. cổ phiếu 556.4 Tỷ VND (-54.34%)

VN30F1M **1858.20 (-1.26%)**
 249,957 HD OI: 0,000 HD

% Hiệu suất của các chỉ số từ năm 2025



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1699.1, giảm -14.7 điểm (-0.86%). Thanh khoản tăng với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. Sắc đỏ cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Chỉ số thu hẹp một phần đà giảm về cuối phiên nhưng chưa thể lấy lại sắc xanh. Dòng tiền trở nên phân hóa và tìm đến các nhóm ngành mang tính phòng thủ hoặc cổ phiếu có câu chuyện riêng. Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu trong phiên: Dầu khí: PLX (-5.1%), BSR (-4.4%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: PVT (-6.0%), VOS (-4.5%), GMD (-3.6%) | Hóa chất: DGC (-6.9%), GVR (-4.6%), BFC (-4.3%) | Điện, nước & xăng dầu khí đốt: GAS (-3.9%), POW (-2.6%) | Dịch vụ tài chính: HCM (-4.2%), FTS (-3.8%), SSI (-3.6%) | Ngân hàng: EIB (-2.2%), VIB (-1.8%)
 Tác động chỉ số: Chiều tăng | VPL, NVL, VHM, GEE, MBB - Chiều giảm | GAS, VIC, BSR, GVR, VCB
 Khối ngoại Bán ròng gần 980 tỷ, tập trung nhiều ở FPT, VIC, BSR, trong khi mua ròng MSN, VHM, ACB.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến Doji, tiếp tục cho thấy trạng thái giằng co trong biên độ 1680 - 1720 điểm. Dù vậy, độ rộng thị trường tiếp tục suy yếu, và thiếu động lực dẫn dắt rõ ràng. Dòng tiền cũng trở nên phân hóa hơn. Bên cạnh đó, chỉ số cũng đang vận động trong pha điều chỉnh nên lực cung có thể dễ dàng trở lại chi phối nếu xuất hiện thêm các thông tin trái chiều. Lưu ý ngưỡng hỗ trợ gần quanh mức 1680 điểm. Dấu hiệu phá vỡ dưới mức này có thể kích hoạt đà giảm và tìm về các mốc hỗ trợ thấp hơn quanh 1640 và 1600 điểm. Chiều ngược lại, kháng cự gần trong xu hướng hồi phục quanh khu vực 1740 - 1750 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số kết phiên với nến Hammer, tiếp tục trạng thái giằng co và hàm ý lực cung còn chi phối trong nỗ lực phục hồi. Vận động khả năng còn rung lắc và tiếp tục kiểm định thêm vùng giá 244 - 250.
- **Chiến lược:** Tiếp tục duy trì tỷ trọng ở mức an toàn, theo dõi thêm diễn biến thị trường. Nếu chỉ số lùi về dưới ngưỡng 1680 điểm nên hạ thêm một phần vị thế và ưu tiên quan sát. Các chuyển biến địa chính trị cần được theo sát để có thêm định hướng về chuyển động dòng tiền. Chiều mua gia tăng trở lại chỉ nên cân nhắc khi chỉ số xác nhận thoát khỏi pha điều chỉnh và thị trường đồng thuận phục hồi theo hướng lan tỏa. Các ngành nổi bật: Dầu khí, Tiện ích, Tiêu dùng, Đầu tư công.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Mua REE, GEG (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,699.1 ▼	-0.9%	-0.6%	-6.9%	24,672.8 ▼	-6.5%	-9.4%	21.5%	949.3 ▲	3.8%	-1.0%	53.8%
HNX-Index	245.7 ▼	-0.8%	-0.9%	-4.4%	1,553.4 ▼	-15.0%	-11.4%	48.5%	84.2 ▼	-15.8%	-6.2%	58.2%
UPCOM-Index	124.0 ▼	-0.7%	0.1%	-2.7%	556.4 ▼	-54.3%	-41.4%	-13.4%	32.5 ▼	-52.6%	-7.4%	-25.3%
VN30	1,854.2 ▼	-0.8%	-0.3%	-8.1%	13,722.5 ▼	-7.9%	-9.5%	16.4%	392.4 ▲	4.6%	-7.9%	44.1%
VNMID	2,136.1 ▼	-0.8%	-1.5%	-4.8%	8,794.9 ▬	0.4%	-10.9%	28.0%	387.8 ▲	10.6%	-7.5%	47.2%
VNSML	1,407.8 ▼	-0.5%	-0.6%	-5.6%	1,103.6 ▬	0.3%	-20.9%	25.5%	78.7 ▲	14.7%	-12.1%	33.1%
Theo ngành (VNIndex)												
Ngân hàng	619.3 ▼	-0.7%	-0.52%	-6.8%	6,360.0 ▼	-21.09%	-2.8%	-4.7%	257.9 ▼	-7.6%	-4.8%	-1.1%
Bất động sản	713.4 ▼	-0.2%	1.6%	-7.7%	3,374.2 ▼	-21.7%	-4.8%	2.5%	135.0 ▲	22.5%	1.0%	13.9%
Dịch vụ tài chính	310.5 ▼	-1.5%	-1.6%	-3.3%	4,266.1 ▲	18.5%	17.3%	11.2%	184.6 ▲	26.6%	17.9%	23.0%
Công nghiệp	261.3 ▼	-1.1%	2.8%	-0.5%	991.7 ▼	-36.5%	-35.0%	-42.9%	31.7 ▼	-24.9%	-27.7%	-34.5%
Tài nguyên cơ bản	524.3 ▼	-0.5%	-2.0%	-0.9%	1,140.6 ▲	35.4%	16.9%	-29.2%	48.0 ▲	20.8%	9.0%	-26.0%
Xây dựng - Vật Liệu	178.2 ▼	-0.3%	1.7%	-1.9%	1,512.9 ▼	-4.3%	-9.2%	9.1%	67.2 ▬	0.8%	-12.4%	11.9%
Thực phẩm	521.1 ▼	-0.5%	-5.2%	-28.9%	1,906.3 ▲	73.3%	30.3%	4.1%	41.3 ▲	75.6%	34.1%	7.9%
Bán Lẻ	1,531.7 ▼	-1.1%	-2.7%	-9.2%	906.7 ▲	29.2%	14.2%	-11.0%	13.3 ▲	32.7%	20.6%	-4.9%
Công nghệ	414.8 ▼	-2.2%	-1.7%	-17.6%	910.9 ▲	50.5%	8.3%	-36.3%	12.4 ▲	45.5%	-0.7%	-33.8%
Hóa chất	183.9 ▼	-3.5%	-5.4%	0.2%	889.7 ▲	20.2%	-51.1%	-44.2%	26.1 ▲	3.2%	-40.6%	-33.2%
Tiện ích	801.3 ▼	-2.3%	-5.8%	-4.2%	642.4 ▲	11.0%	-21.7%	-28.7%	26.2 ▲	9.9%	-27.5%	-25.7%
Dầu khí	121.2 ▼	-4.3%	-13.7%	14.3%	902.8 ▼	-45.9%	-42.4%	-40.1%	26.2 ▼	-47.6%	-37.6%	-30.4%
Dược phẩm	440.5 ▼	-0.6%	-0.6%	-1.9%	39.5 ▼	-28.0%	-20.0%	6.5%	1.8 ▼	-15.6%	-9.7%	17.0%
Bảo hiểm	114.5 ▼	-1.0%	0.7%	-1.8%	43.6 ▲	3.9%	-10.0%	-30.8%	1.0 ▲	25.5%	-0.8%	-28.5%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,699.1 ▼	-0.86%	-4.8%	15.4x	2.0x
SET-Index	Thái Lan	1,417 ▼	-1.62%	12.5%	16.3x	1.4x
JCI-Index	Indonesia	7,107	-	-17.8%	17.7x	1.8x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,539 ▼	-0.60%	1.9%	16.6x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	6,019 ▼	-0.61%	-0.6%	10.1x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,007 ▼	-1.39%	1.0%	19.4x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	25,501 ▼	-2.02%	-0.5%	13.3x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	53,373 ▼	-3.38%	6.0%	21.8x	2.7x
S&P 500	Mỹ	6,625 ▼	-1.36%	-3.2%	25.9x	5.2x
Dow Jones	Mỹ	46,225 ▼	-1.63%	-3.8%	22.9x	5.3x
FTSE 100	Anh	10,087 ▼	-2.12%	1.6%	16.4x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,614 ▼	-2.15%	-3.1%	17.0x	2.4x
<hr/>						
DXY		100.1 ▬	0.53%	1.8%		
USDVND		26,294 ▼	-0.02%	0.0%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

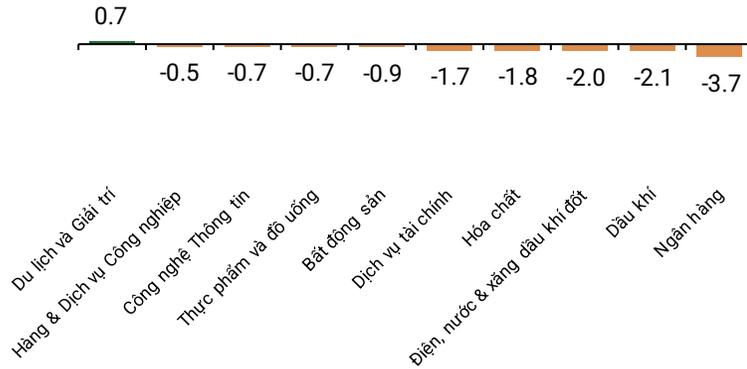
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▲	6.6%	59.7%	88.1%	61.7%
Dầu WTI	▲	1.6%	47.3%	70.4%	45.7%
Khí gas	▲	4.0%	6.4%	-13.5%	-25.0%
Than cốc (*)	▬	0.0%	-3.5%	-3.5%	6.1%
Thép HRC (*)	▬	0.2%	1.1%	0.6%	-2.6%
PVC (*)	▬	0.9%	24.2%	30.5%	17.7%
Phân Urea (*)	▬	0.8%	36.1%	62.0%	65.4%
Cao su thiên nhiên	▼	-3.0%	-1.5%	5.5%	-2.5%
Bông Cotton	▼	-0.8%	10.1%	6.1%	2.8%
Đường	▲	4.7%	7.5%	0.8%	-23.2%
World Container Index	▲	2.3%	13.2%	-1.8%	-8.3%
Baltic Dirty tanker Index	▬	0.0%	55.3%	108.0%	183.7%
<hr/>					
Vàng	▼	-3.2%	-6.7%	7.9%	53.0%
Bạc	▼	-6.3%	-10.1%	-1.5%	108.9%

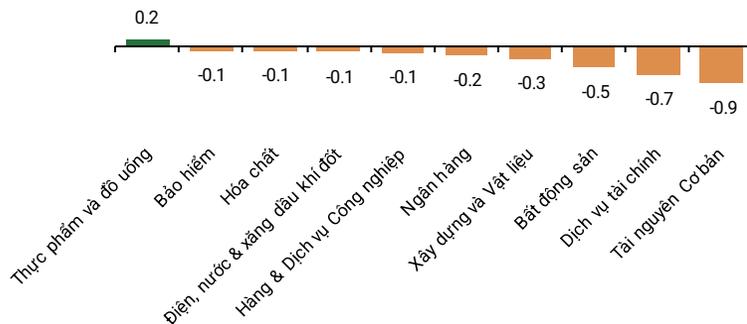
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

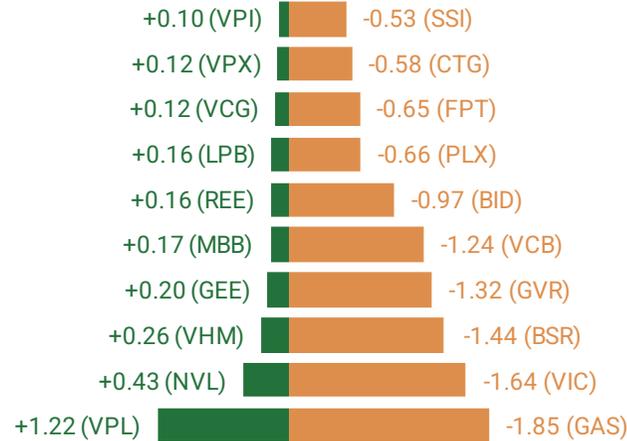
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



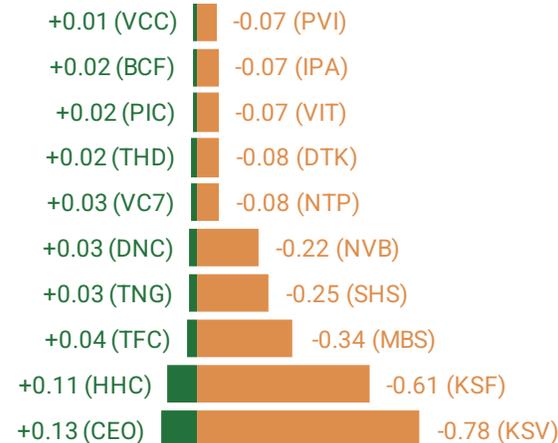
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

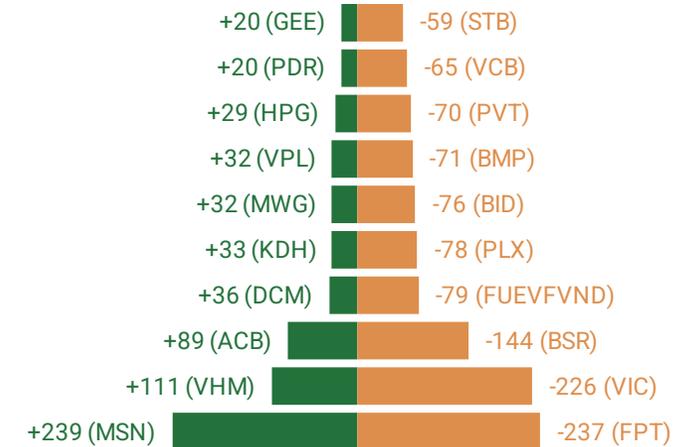


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

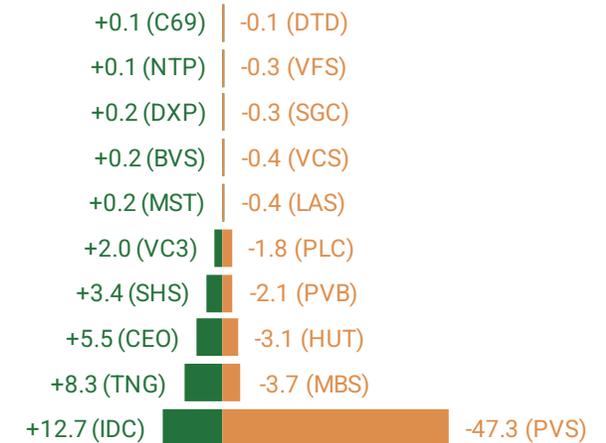


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX

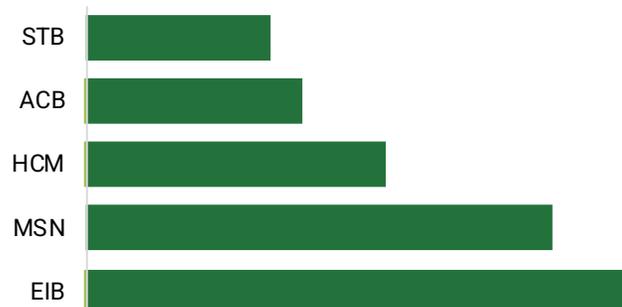


TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	SSI	HPG	SHB	FPT	VIC
%DoD	-3.6%	-0.4%	-0.7%	-2.3%	-0.7%
Giá trị	1,637	980	976	899	828

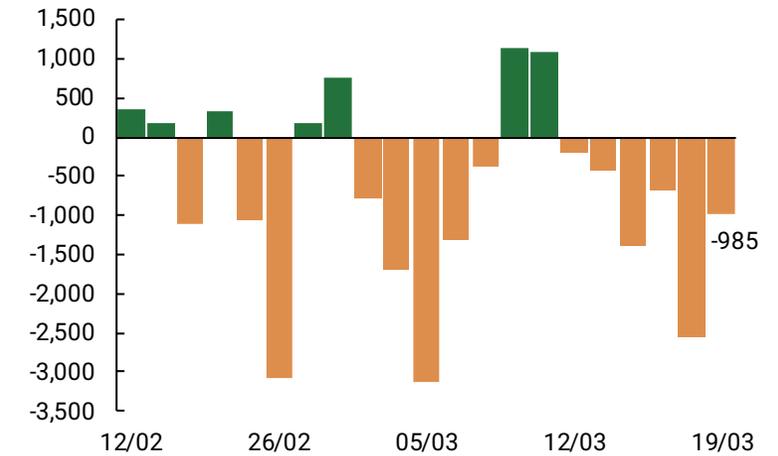
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



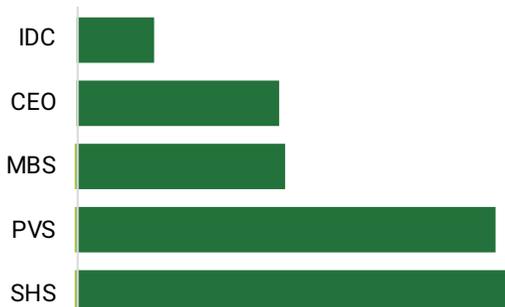
	EIB	MSN	HCM	ACB	STB
%DoD	-2.2%	0.1%	-4.2%	-0.6%	0.2%
Giá trị	269	227	146	105	89

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



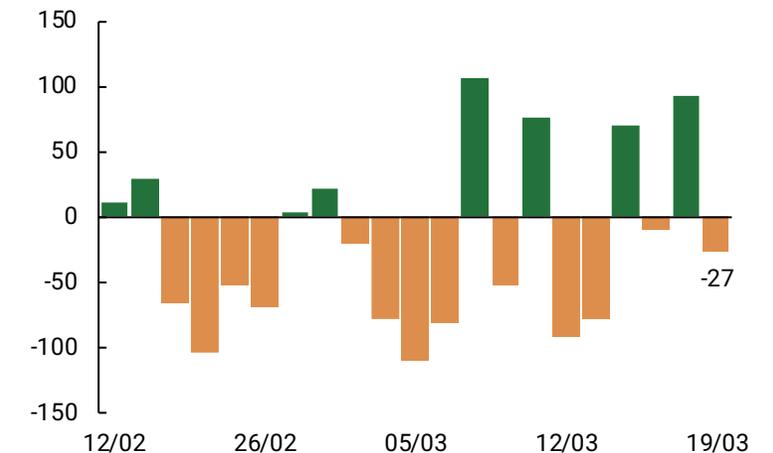
	SHS	PVS	MBS	CEO	IDC
%DoD	-3.1%	-0.2%	-3.7%	2.7%	0.0%
Giá trị	329	318	158	153	59

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	TPP	HUT	TVC	DNP	TIG
%DoD	0.0%	0.0%	-1.3%	-3.0%	0.0%
Giá trị	66	33	14	13	5

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNINDEX

- ✓ Nến Doji, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1640 | 1580.
- ✓ Kháng cự: 1750 | 1800.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI cải thiện chưa rõ ràng.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

Kịch bản: Áp lực điều chỉnh trở lại chi phối nhưng chỉ số vẫn giữ trạng thái cân bằng, cùng với thanh khoản chưa đột biến, hàm ý cung – cầu vẫn đang ở vùng giằng co kiểm định. Tuy nhiên, dấu hiệu phá vỡ dưới ngưỡng 1680 điểm có thể kích hoạt đà giảm với về các mốc hỗ trợ thấp hơn. Chiều ngược lại, kháng cự gần trong chiều hồi phục quanh ngưỡng 1750 và cao hơn là mốc tâm lý 1800 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Spinning top, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1770 - 1800.
- ✓ Kháng cự: 1900 | 1950.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI cải thiện chưa rõ ràng.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

➔ Áp lực điều chỉnh nhìn chung vẫn chiếm ưu thế. Lưu ý ngưỡng hỗ trợ 1840 điểm, dấu hiệu phá vỡ dưới ngưỡng này có thể gia tăng khả năng điều chỉnh về mốc hỗ trợ 1770 – 1800 điểm. Kháng cự gần trong chiều hồi phục hiện quanh ngưỡng tâm lý 1900 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio	
Ticker	REE	BUY	Current price		65.4	P/E (x)	14.0
Exchange	HOSE		Action price	19/03	63.2 - 64	P/B (x)	1.7
Sector	Conventional Electricity		Target price		70	EPS	4669.2
			Cut loss		59.5	ROE	12.7%
						Stock Rating	BB
						Scale Market Cap	Medium



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá kiểm định tốt hỗ trợ MA20 ngày quanh vùng 62.
 - Chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu và vận động trên miền dương, trong khi RSI cũng cải thiện lên trên mức trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
 - Khối lượng tăng cho thấy dòng tiền quay trở lại.
 - MA20 cắt lên MA50 củng cố vị thế trung hạn
- Xu hướng đi lên được ủng hộ.
→ Khuyến nghị Mua, có thể tận dụng rung lắc trong phiên.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio	
Ticker	GEG	BUY	Current price		16.3	P/E (x)	9.8
Exchange	HOSE		Action price	19/03	16.1 - 16.4	P/B (x)	1.3
Sector	Conventional Electricity		Target price		18.4	EPS	1663.2
			Cut loss		15	ROE	15.0%
						Stock Rating	BB
						Scale Market Cap	Medium



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

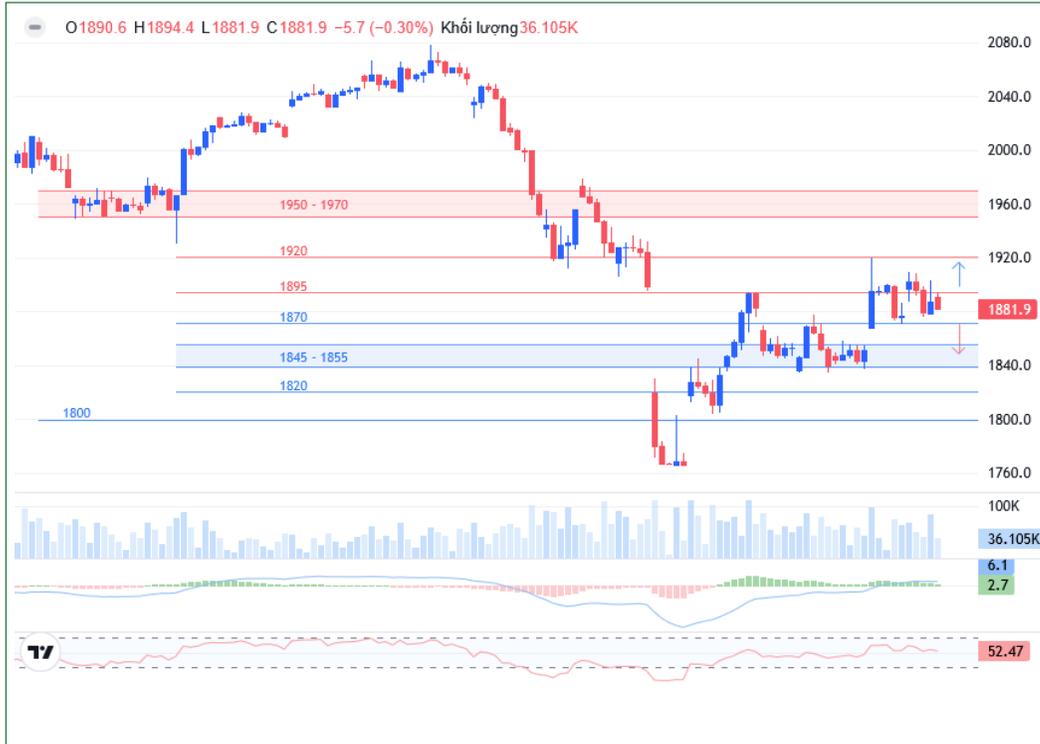
- Giá kiểm định tốt hỗ trợ MA20 ngày quanh vùng 15.5 - 16.
 - Chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu và vận động trên miền dương, trong khi RSI cũng cải thiện lên trên mức trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
 - Khối lượng tăng cho thấy dòng tiền quay trở lại.
 - MA20 cắt lên MA50 củng cố vị thế trung hạn
- Xu hướng đi lên được ủng hộ.
 → Khuyến nghị Mua, có thể tận dụng rung lắc trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	REE	Mua	19/03/2026	65.4	63.2 – 64.0	-	70.0	10.1%	59.5	-6.4%	Đã cập nhật trên Elite Picks
2	GEG	Mua	19/03/2026	16.3	16.1 – 16.4	-	18.4	13.2%	15	-7.7%	Đã cập nhật trên Elite Picks

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
-----	-------	-------------	------------------	---------------------------	--------------	---------------	----------------	--------------	------------	------------	-------------	---------



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1858.2, giảm 23.7 điểm (-1.3%). Áp lực điều chỉnh chiếm ưu thế trong phần lớn thời gian giao dịch.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD cắt xuống đường tín hiệu, bên cạnh RSI cũng giảm về dưới ngưỡng trung bình, hàm ý áp lực điều chỉnh trở lại chi phối. Hợp đồng kỳ hạn 1 tháng đã đảo hạn và cao hơn hợp đồng 2 tháng hơn 20 điểm. Khả năng sẽ có biến động đầu phiên để cân bằng lại dao động. Vùng kiểm định kỳ vọng quanh 1840 – 1855. Vị thế Long cân nhắc khi giá củng cố được trên ngưỡng 1856. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1838, có thể gia tăng nếu giá tiếp tục đánh mất ngưỡng 1820.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1740.5, giảm 60.9 điểm (-3.4%). Độ lệch basis -31.2 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 67 HĐ. Hỗ trợ gần cũng quanh khu vực 1740 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1760 điểm.

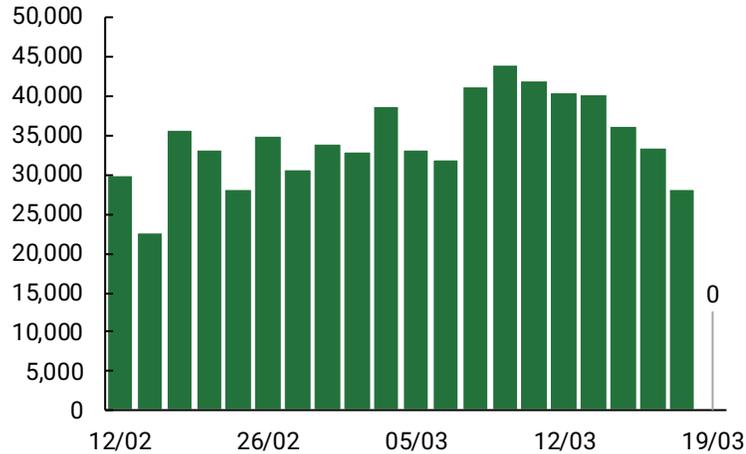
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Long	> 1856	1870	1846	14 : 10
Short	< 1838	1824	1848	14 : 10
Short	< 1820	1805	1830	15 : 10

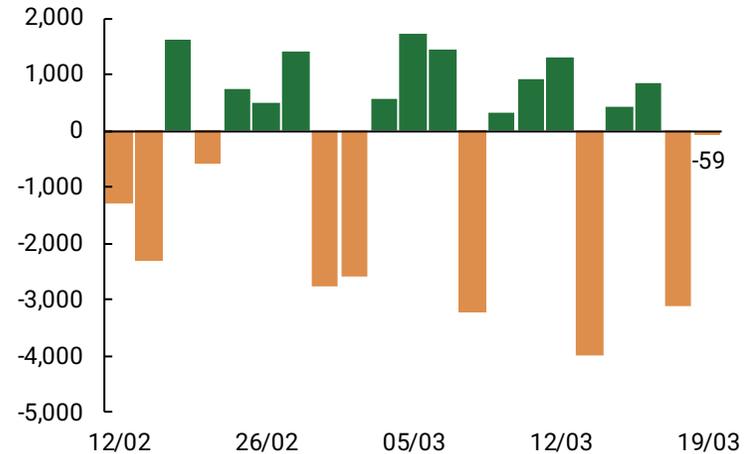
Thống kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111G9000	1,832.5	-51.5	74	281	1,868.2	-35.7	17/09/2026	182
4111G6000	1,832.0	-53.1	407	519	1,861.2	-29.2	18/06/2026	91
4111G4000	1,834.5	-45.5	34,287	24,496	1,856.3	-21.8	16/04/2026	28
4111G3000	1,858.2	-23.7	249,957	0	1,854.2	4.0	19/03/2026	0
4112G3000	1,740.5	-60.9	67	0	1,771.7	-31.2	19/03/2026	0

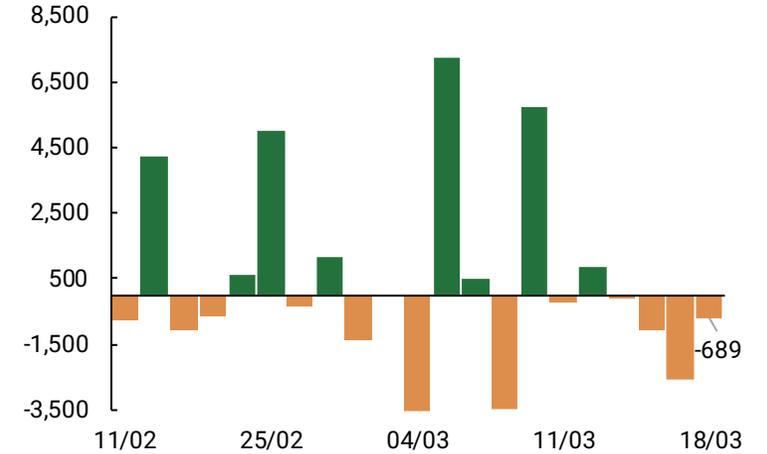
Khối lượng mở (Open interest)



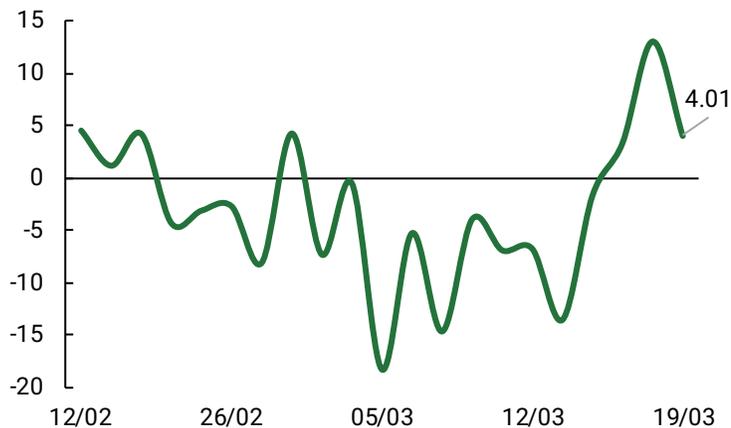
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



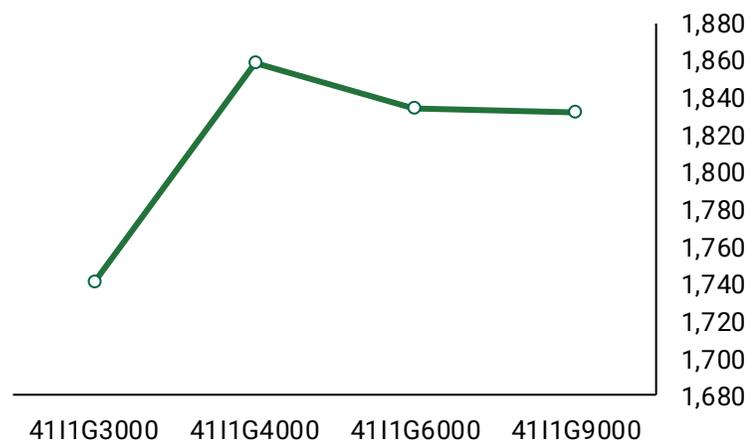
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



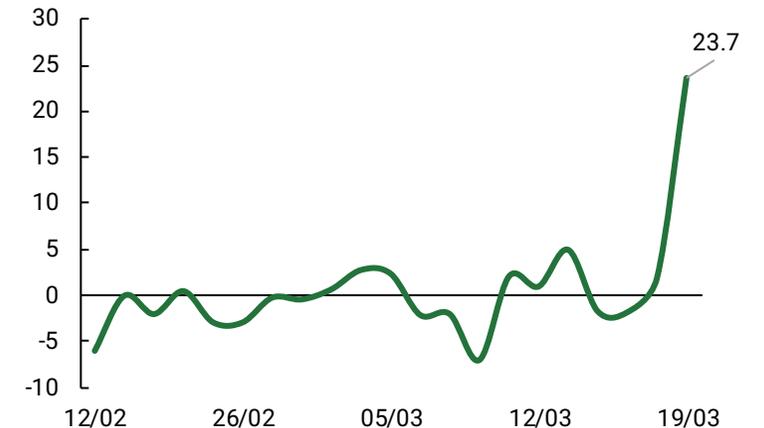
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	75,500	65,400	-13.4%	Bán
BCM	67,300	73,400	9.1%	Nắm giữ
CTG	38,250	45,200	18.2%	Tăng tỷ trọng
CTD	88,600	87,050	-1.7%	Giảm tỷ trọng
CTI	24,250	27,200	12.2%	Tăng tỷ trọng
DBD	54,300	68,000	25.2%	Mua
DDV	31,198	35,900	15.1%	Tăng tỷ trọng
DGC	73,800	99,300	34.6%	Mua
DGW	51,200	48,300	-5.7%	Giảm tỷ trọng
DPG	47,200	53,100	12.5%	Tăng tỷ trọng
DPR	42,700	46,500	8.9%	Nắm giữ
DRI	13,508	17,200	27.3%	Mua
EVF	13,800	14,400	4.3%	Nắm giữ
FRT	169,000	157,600	-6.7%	Giảm tỷ trọng
GMD	84,400	77,000	-8.8%	Giảm tỷ trọng
HAH	62,800	67,600	7.6%	Nắm giữ
HDG	27,300	34,500	26.4%	Mua
HHV	12,500	12,300	-1.6%	Giảm tỷ trọng
HPG	28,800	34,300	19.1%	Tăng tỷ trọng
IMP	54,000	55,000	1.9%	Nắm giữ
KDH	27,250	38,800	42.4%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MSH	39,250	43,100	9.8%	Nắm giữ
MWG	93,100	99,600	7.0%	Nắm giữ
NLG	27,850	39,900	43.3%	Mua
NT2	27,750	27,700	-0.2%	Giảm tỷ trọng
PHR	63,100	72,800	15.4%	Tăng tỷ trọng
PNJ	121,900	113,300	-7.1%	Giảm tỷ trọng
PVS	47,400	39,900	-15.8%	Bán
PVT	24,050	18,900	-21.4%	Bán
SAB	48,400	57,900	19.6%	Tăng tỷ trọng
SSI	32,400	39,200	21.0%	Mua
TLG	54,500	53,400	-2.0%	Giảm tỷ trọng
TCB	36,250	35,650	-1.7%	Giảm tỷ trọng
TCM	26,700	37,900	41.9%	Mua
TRC	78,500	94,800	20.8%	Mua
VCB	64,900	84,200	29.7%	Mua
VPB	28,950	37,000	27.8%	Mua
VCG	19,150	26,200	36.8%	Mua
VHC	61,500	60,000	-2.4%	Giảm tỷ trọng
VNM	68,200	66,650	-2.3%	Giảm tỷ trọng
VSC	25,900	17,900	-30.9%	Bán

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

THÔNG TIN VĨ MÔ

[Text here]

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

[Text here]

- 02/02 Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
- 05/02 EU – ECB họp và quyết định lãi suất
Anh – BOE họp và quyết định lãi suất
- 06/02 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô
- 10/02 Mỹ - Doanh số bán lẻ
- 11/02 Mỹ – Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
Việt Nam – MSSI công bố danh mục
- 13/02 Trung Quốc – Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
- 16/02 Nhật Bản – Tăng trưởng GDP
- 19/02 Mỹ - Biên bản họp FOMC
Việt Nam – Đáo hạn phái sinh
- 20/02 Mỹ - PCE lõi, Ước tính GDP lần đầu
- 24/02 Trung quốc – Lãi suất cho vay cơ bản
- 27/02 Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI)

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415